



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế
(Kèm theo Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND
ngày 11/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc phân loại, tiêu chí phân loại, thẩm quyền, hồ sơ và điều chỉnh việc phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với thôn, tổ dân phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Mục đích phân loại thôn, tổ dân phố

Đề nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền cấp xã đối với tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; làm căn cứ để hoạch định chính sách, quy hoạch, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và làm cơ sở để thực hiện chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc phân loại thôn, tổ dân phố

Việc phân loại thôn, tổ dân phố phải đảm bảo tính thống nhất, khoa học; phản ánh rõ tính chất công việc và mức độ thuận lợi, khó khăn trong quản lý của từng loại thôn, tổ dân phố.

Chương II

PHÂN LOẠI VÀ TIÊU CHÍ PHÂN LOẠI THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Phân loại và tiêu chí phân loại thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố được phân làm ba loại cụ thể như sau:

- a) Thôn, tổ dân phố loại 1
- b) Thôn, tổ dân phố loại 2
- c) Thôn, tổ dân phố loại 3

2. Tiêu chí phân loại:

a) Đối với tổ dân phố thuộc phường, thị trấn đồng bằng:

Tổ dân phố loại 1: Từ 650 hộ gia đình trở lên.

Tổ dân phố loại 2: Từ 500 hộ gia đình đến dưới 650 hộ gia đình.

Tổ dân phố loại 3: Dưới 500 hộ gia đình.

b) Đối với tổ dân phố thuộc thị trấn miền núi:

Tổ dân phố loại 1: Từ 450 hộ gia đình trở lên.

Tổ dân phố loại 2: Từ 300 hộ gia đình đến dưới 450 hộ gia đình.

Tổ dân phố loại 3: Dưới 300 hộ gia đình.

c) Đối với thôn thuộc xã đồng bằng:

Thôn loại 1: Từ 550 hộ gia đình trở lên.

Thôn loại 2: Từ 400 hộ gia đình đến dưới 550 hộ gia đình.

Thôn loại 3: Dưới 400 hộ gia đình.

d) Đối với thôn thuộc xã miền núi:

Thôn loại 1: Từ 350 hộ gia đình trở lên.

Thôn loại 2: Từ 200 hộ gia đình đến dưới 350 hộ gia đình.

Thôn loại 3: Dưới 200 hộ gia đình.

Điều 5. Thẩm quyền phân loại thôn, tổ dân phố

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân loại thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố

1. Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Biểu thống kê quy mô số hộ gia đình, các yếu tố đặc thù và dự kiến phân loại (các tài liệu kèm theo nếu có).

2. Hồ sơ Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo biểu tổng hợp kết quả dự kiến phân loại thôn, tổ dân phố.

b) Báo cáo thẩm định hồ sơ phân loại thôn, tổ dân phố trên địa bàn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Sở Nội vụ tổng hợp, thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc phân loại thôn, tổ dân phố theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 7. Điều chỉnh việc phân loại thôn, tổ dân phố

1. Theo định kỳ sáu mươi tháng (5 năm) kể từ ngày Quyết định phân loại thôn, tổ dân phố có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tiêu chí tại Quy định này tiến hành rà soát và lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện

thẩm định và gửi Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định phân loại lại thôn, tổ dân phố cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Trường hợp chưa đủ thời gian theo định kỳ, nhưng có biến động lớn về quy mô số hộ gia đình, diện tích tự nhiên do cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chia tách, sáp nhập để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thì phải tiến hành phân loại lại theo Quy định này. Việc phân loại lại được thực hiện đồng thời với việc điều chỉnh chia tách, sáp nhập, thành lập thôn, tổ dân phố mới hoặc ghép cụm dân cư.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Tổng hợp, thẩm định đề nghị phân loại thôn, tổ dân phố; đề nghị điều chỉnh phân loại thôn, tổ dân phố của Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thẩm tra việc lập hồ sơ đề nghị phân loại, thôn, tổ dân phố của cấp xã trên địa bàn đảm bảo theo đúng quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Tổ chức, thực hiện việc lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền quyết định phân loại thôn, tổ dân phố.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn hoặc không phù hợp với thực tế cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung; các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.